

Số: 97 /QĐ-ĐHVĐ

Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về học phí
các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Đức;

Căn cứ quyết nghị của Hội đồng trường Trường Đại học Việt Đức tại phiên họp lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc tăng học phí;

Căn cứ tờ trình được Ban Giám hiệu phê duyệt ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Quyết định học phí các chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ năm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về học phí các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ của Trường Đại học Việt Đức có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 49/QĐ-ĐHVĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Việt Đức ban hành Quy định về học phí các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tiếp thị và Tuyển sinh, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Giám đốc Trung tâm Ngôn ngữ và Năm Đại cương, Trưởng phòng Công nghệ thông tin, các Trưởng Khoa, Điều phối viên các chương trình đào tạo và các sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. TCKT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Thúc Viên

QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **97** /QĐ-ĐHVD ngày **05** tháng **3** năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Đức)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Học phí và các khoản phí khác	2
Điều 3. Mức học phí	3
Điều 4. Hỗ trợ, giảm học phí cho sinh viên trong nước	4
Điều 5. Học phí, phí duy trì tình trạng sinh viên đối với sinh viên bảo lưu	4
Điều 6. Phí duy trì tình trạng sinh viên đối với sinh viên tốt nghiệp muộn	5
Điều 7. Chính sách hoàn trả học phí và các khoản phí khác	6
Điều 8. Học phí áp dụng cho (những) học kỳ ở nước ngoài	7
Điều 9. Học phí áp dụng đối với sinh viên quốc tế	7
Điều 10. Thời hạn và phương thức thanh toán học phí	7
Điều 11. Điều khoản thi hành	8
Phụ lục 1. Học phí một học kỳ áp dụng cho các chương trình đào tạo trình độ đại học	10
Phụ lục 2. Học phí một học kỳ áp dụng cho các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	11
Phụ lục 3. Phí quản lý hành chính	12
Phụ lục 4. Chi phí các khóa học bắt buộc ngoài phạm vi đào tạo chính khóa	12
Phụ lục 5. Phí đào tạo tại trường đối tác	12
Phụ lục 6. Lệ phí thi tuyển sinh (VND)	13

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này bao gồm các điều khoản cụ thể về: học phí áp dụng cho các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ; các khoản chi phí đào tạo khác đối với sinh viên đại học và học viên cao học (sau đây gọi chung là “sinh viên”), sinh viên trao đổi và sinh viên dự thính; miễn giảm học phí; hoàn trả học phí; thời hạn và phương thức thanh toán học phí của Trường Đại học Việt Đức (VGU). Các khoản phí dịch vụ sinh viên (lưu trú ở ký túc xá, xe buýt...) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này và sẽ được ban hành trong các quyết định riêng biệt.

Điều 2. Học phí và các khoản phí khác

1. Học phí chính khóa xác định theo học kỳ: Học phí theo học kỳ của một chương trình đào tạo (CTĐT) bao gồm toàn bộ chi phí tổ chức các học phần và thi cử trong một học kỳ của CTĐT tương ứng. Mức học phí áp dụng sẽ khác nhau tùy theo CTĐT và quốc tịch của sinh viên.

Một năm học gồm có hai học kỳ. Học kỳ mùa đông từ tháng 9 đến tháng 2. Học kỳ mùa hè từ tháng 3 đến tháng 8. Lịch học chi tiết sẽ được Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên thông báo trước khi bắt đầu học kỳ.

Số học kỳ sinh viên phải đóng học phí dựa trên thời gian đào tạo chính thức của từng ngành: 8 học kỳ đối với sinh viên đại học và 4 học kỳ đối với học viên cao học trừ các CTĐT được ban hành quyết định riêng.

Học phí không bao gồm các khoản phí ngoài phạm vi đào tạo chính khóa như: Bảo hiểm y tế, phí tham gia các khóa học bổ sung kiến thức bắt buộc, phí quản lý hành chính, phí đào tạo tại trường đối tác và lệ phí thi tuyển sinh. Các khoản chi phí này có thể thay đổi hằng năm tùy theo tình hình thực tế.

2. Học phí áp dụng cho một tín chỉ: Học phí cho một tín chỉ được tính bằng học phí của một học kỳ chia cho tổng số tín chỉ của học kỳ đó.

3. Phí duy trì tình trạng sinh viên: Phí duy trì tình trạng sinh viên được quy định đối với sinh viên bảo lưu (Điều 5), sinh viên tốt nghiệp muộn (Điều 6) và sinh viên đi trao đổi học tập ở nước ngoài (Điều 8).

4. Phí quản lý hành chính: Đối với một số CTĐT, theo thỏa thuận giữa các bên liên quan, sinh viên phải đóng phí quản lý hành chính tại đại học đối tác theo học kỳ (Phụ lục 3). Sinh viên các CTĐT liên quan, bao gồm sinh viên đang theo học, sinh viên bảo lưu và sinh viên tốt nghiệp muộn, có nghĩa vụ đóng khoản phí này.

5. Chi phí đào tạo các khóa học bổ sung kiến thức bắt buộc: Tùy thuộc vào yêu cầu của từng CTĐT, sinh viên có thể phải đóng các khoản phí cho các khóa học bổ sung

kiến thức bắt buộc (Phụ lục 4) như khóa học mùa hè, khóa thực tập nghề, chuyển đi thực địa.

6. Phí đào tạo tại trường đối tác: Đối với một số CTĐT, theo quy định của đại học đối tác, sinh viên phải đóng phí cho học kỳ trao đổi tại trường đối tác (Phụ lục 5).

7. Bảo hiểm y tế (BHYT)

a) Đối với sinh viên đại học quốc tịch Việt Nam: Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế hiện hành, sinh viên có nghĩa vụ tham gia BHYT bắt buộc. Phí BHYT của sinh viên sẽ được VGU thu và nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Trong thời gian học tập ở nước ngoài theo chương trình trao đổi sinh viên hoặc trong thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên vẫn phải đóng BHYT. Trong trường hợp sinh viên muốn tự mua BHYT, sinh viên phải nộp bản photo thẻ BHYT (xuất trình thẻ gốc để đối chiếu) cho Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên vào đầu năm học.

b) Đối với sinh viên quốc tế: Hiện nay, sinh viên quốc tế không thuộc đối tượng bắt buộc tham gia BHYT. Trường khuyến khích sinh viên mua bảo hiểm y tế tự nguyện cho toàn bộ thời gian theo học tại VGU trước khi làm thủ tục nhập học.

c) Đối với học viên cao học: Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế hiện hành, học viên cao học không phải tham gia BHYT bắt buộc. VGU khuyến khích tất cả học viên mua BHYT tự nguyện cho toàn bộ thời gian theo học tại trường trước khi làm thủ tục nhập học.

Điều 3. Mức học phí

1. Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí theo mức quy định (tại Phụ lục 1 dành cho bậc đại học hoặc Phụ lục 2 dành cho bậc thạc sĩ) theo từng học kỳ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 10. Sinh viên các khóa đóng học phí theo các quy định về học phí tương ứng của khóa đó. Các quy định về học phí có giá trị trong suốt khóa học của sinh viên. Trong trường hợp sinh viên phải học lại và phải đóng tiền, phí học lại cho các học phần được tính dựa trên Giấy xác nhận từ phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Khoa theo số tín chỉ của các học phần tương ứng của lớp/khóa theo học. Sinh viên nộp phí học lại tại thời điểm phát sinh.

2. Đối với sinh viên dự thính là sinh viên của các trường đại học khác hoặc các tổ chức khác, tham dự một hoặc một số học phần, học phí sẽ được tính dựa trên học phí áp dụng cho một tín chỉ của CTĐT tương ứng (Khoản 2 Điều 2).

3. Sinh viên hoặc nhân viên của các trường/ doanh nghiệp đối tác theo học tại VGU đóng học phí theo thỏa thuận hợp tác cụ thể giữa VGU và trường/ doanh nghiệp cử sinh viên/nhân viên đi học.

4. Sinh viên chuyển trường hoặc sinh viên được miễn Năm đại cương đóng học phí theo mức tương ứng áp dụng đối với CTĐT và khóa tuyển được chấp thuận nhập học. Nhóm sinh viên nêu trên được công nhận kết học tập và chuyển đổi tín chỉ một số học phần sẽ được miễn học phí các học phần tương ứng.

Điều 4. Hỗ trợ, giảm học phí cho sinh viên trong nước

1. Giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ:

Sinh viên trong nước có thể thuộc đối tượng được giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Mức học phí được giảm tương đương với mức hỗ trợ học phí của nhà nước đối với VGU theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ học phí theo chính sách của VGU: Sinh viên có thể được hưởng một trong hai hình thức hỗ trợ học phí theo chính sách của VGU trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn của CTĐT.

a) Hỗ trợ 25% học phí đối với giảng viên, nhân viên, vợ (chồng), anh (chị, em) và con ruột của giảng viên, nhân viên đang công tác tại VGU.

b) Hỗ trợ 5% học phí đối với sinh viên nhập học có anh (chị, em) ruột đang theo học tại VGU (chỉ áp dụng cho sinh viên nhập học sau); giảng viên, nhân viên đang công tác trong ngành giáo dục (từ bậc tiểu học đến đại học) và con ruột của họ.

3. Kết hợp hình thức giảm/hỗ trợ học phí và học bổng :

Trường hợp sinh viên được hưởng chính sách giảm/hỗ trợ học phí như quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này, đồng thời có thành tích học tập xuất sắc, đủ tiêu chuẩn nhận học bổng tài năng hoặc các loại học bổng khác, sinh viên có thể được giảm/hỗ trợ học phí và đồng thời nhận học bổng trong cùng một năm học, nhưng tổng giá trị không được vượt quá 100% mức học phí quy định. Trong trường hợp giá trị học bổng được trao cao hơn mức học phí quy định, sẽ không áp dụng giảm/hỗ trợ học phí.

Điều 5. Học phí, phí duy trì tình trạng sinh viên đối với sinh viên bảo lưu

1. Sinh viên không phải đóng học phí trong thời gian nghỉ học tạm thời (bảo lưu) (tối đa 04 học kỳ). Trong suốt thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên bằng 20% học phí quy định cho mỗi học kỳ. Sinh viên đóng phí này sau khi Đơn xin bảo lưu được phê duyệt.

2. Sinh viên bảo lưu khi quay trở lại học tập tại Trường theo quyết định nhập học phải đóng học phí theo mức áp dụng cho lớp/khóa nhập học tương ứng.

Trường hợp hết thời gian bảo lưu mà sinh viên không trở lại nhập học ở học kỳ tiếp theo (có xác nhận từ CTĐT và phòng Đào tạo và Công tác sinh viên) sẽ phải đóng tiếp phí duy trì tình trạng sinh viên còn thiếu (nếu vẫn còn trong thời hạn được bảo lưu tối đa 04 học kỳ).

3. Trường hợp sinh viên đăng ký kéo dài học kỳ và phải đóng phí học lại một số học phần, sinh viên phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên và phí học lại tương ứng. Phí học lại cho các học phần được tính dựa trên Giấy xác nhận từ phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Khoa theo số tín chỉ của các học phần tương ứng của lớp/khóa theo học. Sinh viên nộp phí học lại tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp chỉ thi lại mà không phải học lại (bao gồm cả viết lại luận văn/ khóa luận tốt nghiệp), sinh viên không phải nộp lệ phí thi lại.

Điều 6. Phí duy trì tình trạng sinh viên đối với sinh viên tốt nghiệp muộn

1. Sinh viên không hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn và kéo dài thời gian học sẽ phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên, bằng 20% học phí chính khóa cho từng học kỳ.

2. Trường hợp sinh viên đăng ký kéo dài học kỳ và phải đóng phí học lại một số học phần, sinh viên phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên và phí học lại tương ứng. Phí học lại cho các học phần được tính dựa trên Giấy xác nhận từ phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Khoa theo số tín chỉ của các học phần tương ứng của lớp/khóa theo học. Sinh viên nộp phí học lại tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp chỉ thi lại mà không phải học lại (bao gồm cả viết lại luận văn/ khóa luận tốt nghiệp), sinh viên không phải nộp lệ phí thi lại..

3. Sinh viên không đủ điều kiện để bắt đầu viết luận văn/ khóa luận tốt nghiệp theo đúng học kỳ quy định (học kỳ cuối theo chương trình học tiêu chuẩn) vẫn phải đóng học phí cho học kỳ đó. Trong các học kỳ tiếp theo, bao gồm cả học kỳ viết luận văn/ khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên, cụ thể: Nếu không nộp luận văn/ khóa luận tốt nghiệp trước ngày 30 tháng 11 (đối với luận văn/ khóa luận đăng ký trong học kỳ mùa hè) và trước ngày 31 tháng 5 (đối với luận văn/ khóa luận đăng ký trong học kỳ mùa đông), sinh viên phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên cho học kỳ tiếp theo.

4. Trong những trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc kéo dài thời gian đào tạo chuẩn của CTĐT, Điều phối viên học thuật có thể đề xuất bằng văn bản để Ban Giám

hiệu xem xét miễn phí duy trì tình trạng sinh viên cho các sinh viên liên quan trong (các) học kỳ bị ảnh hưởng.

5. Thời hạn đóng phí duy trì tình trạng sinh viên

Sinh viên phải đóng toàn bộ phí duy trì tình trạng sinh viên sau 02 tuần kể từ ngày nhận thông báo. Trường hợp sinh viên không thanh toán đúng hạn sẽ bị xử lý theo quy định (Khoản 5, Điều 10).

Điều 7. Chính sách hoàn trả học phí và các khoản phí khác

1. Sinh viên muốn xin thôi học và rút lại học phí đã nộp trong học kỳ đầu tiên phải có đơn gửi Ban Giám hiệu trình bày lý do thỏa đáng. Nếu được chấp thuận, mức hoàn trả học phí được quy định như dưới đây. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Ban Giám hiệu quyết định.

Thời gian gửi đơn	Mức hoàn trả
Từ ngày nộp hồ sơ nhập học đến sau ngày đi học đầu tiên theo lịch học chính thức của trường 14 ngày	Trừ 6 triệu đồng phí quản lý hành chính
Sau ngày đi học đầu tiên theo lịch học chính thức của trường từ 15 ngày đến 30 ngày	50% mức học phí đã đóng
Sau ngày đi học đầu tiên theo lịch học chính thức của trường trên 30 ngày	Học phí đã đóng không được hoàn trả

2. Sinh viên được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời hoặc thôi học trong học kỳ sẽ được hoàn trả học phí căn cứ theo thời gian đã học trong học kỳ như dưới đây. Thời gian đã học trong một học kỳ sẽ được tính từ khi bắt đầu học phần đầu tiên cho đến thời điểm nghỉ học tạm thời hoặc thôi học.

Thời gian theo học trong một học kỳ	Mức hoàn trả
Dưới 2 tuần	Trừ 6 triệu đồng phí quản lý hành chính
Từ 2 tuần đến dưới 10 tuần	Trừ 10 triệu đồng phí quản lý hành chính
Từ 10 tuần trở lên	Học phí đã đóng không được hoàn trả

3. Phí duy trì tình trạng sinh viên và các khoản phí ngoài phạm vi đào tạo chính khóa (Khoản 1, Điều 2) đã đóng sẽ không được hoàn trả. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Ban Giám hiệu quyết định.

4. Các khoản phí đóng dư chỉ được hoàn trả trong năm tài chính. Sau ngày 31 tháng 12, sinh viên sẽ không được hoàn trả các khoản phí đã đóng dư trong năm trước.

Điều 8. Học phí áp dụng cho (những) học kỳ ở nước ngoài

1. Sinh viên theo học một hoặc nhiều học kỳ ở nước ngoài trong khuôn khổ chương trình trao đổi sinh viên chính thức đóng học phí theo thỏa thuận giữa VGU và đại học đối tác. Sinh viên phải tự chi trả các khoản sinh hoạt phí và chi phí đi lại hay bất kỳ chi phí phát sinh nào trong quá trình học tập ở nước ngoài.

2. Nếu sinh viên quyết định theo học một hay nhiều học kỳ ở nước ngoài tại một đại học không thuộc Khoản 1 Điều này (thời hạn tối đa 02 học kỳ), sinh viên không phải đóng học phí nhưng phải đóng phí duy trì tình trạng sinh viên (bằng 20% mức học phí chính khóa theo từng học kỳ) và tự chi trả toàn bộ chi phí phát sinh khi học tập ở nước ngoài (học phí, chi phí sinh hoạt và đi lại). Việc công nhận học phần và kết quả thi trong các học kỳ này được tính tối đa 30% tổng số tín chỉ của CTĐT tại VGU theo quy định tại Điều 21 của Quy chế đào tạo trình độ cử nhân và thạc sĩ của VGU.

Điều 9. Học phí áp dụng đối với sinh viên quốc tế

1. Sinh viên quốc tế nếu thuộc các chương trình trao đổi sinh viên chính thức đóng học phí theo thỏa thuận giữa VGU và các đại học đối tác cử sinh viên đi học.

2. Sinh viên theo học tại VGU theo diện Hiệp định song phương về hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam với các quốc gia đối tác được miễn hoặc giảm một phần học phí. Việc miễn giảm sẽ được xem xét theo từng trường hợp cụ thể.

3. Sinh viên đến từ các nước thu nhập trung bình và dưới trung bình và từ các trường đối tác Đức học trao đổi được đóng học phí chính khóa bằng với mức học phí áp dụng cho sinh viên Việt Nam.

4. Sinh viên đến từ các quốc gia khác không thuộc các đối tượng đã nêu ở Khoản 1, 2 và 3 của Điều này đóng học phí bằng 1,5 lần mức học phí áp dụng cho sinh viên Việt Nam.

Điều 10. Thời hạn và phương thức thanh toán học phí

1. Hình thức thu học phí: Học phí chính khóa hoặc phí duy trì tình trạng sinh viên được thu theo học kỳ.

2. Thời hạn đóng học phí:

Học phí phải được thanh toán trước thời hạn sau:

- Học kỳ mùa hè: trước ngày 28 tháng 02

- Học kỳ mùa đông: trước ngày 31 tháng 8

3. Phương thức thanh toán: Trường chấp nhận thanh toán tiền học phí và các khoản phí khác bằng các hình thức khác nhau, bao gồm trả trực tiếp bằng thẻ tín dụng hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Trường.

4. Hỗ trợ thanh toán chậm: Sinh viên gặp khó khăn trong việc thanh toán học phí đúng thời hạn (xem Khoản 2 Điều này) có thể làm đơn đề nghị nhà trường cho phép chậm thanh toán học phí. Đơn đề nghị cùng với đề xuất về kế hoạch thanh toán, đảm bảo chi trả toàn bộ các khoản phí chậm nhất vào cuối học kỳ, phải được gửi xin ý kiến Điều phối viên học thuật CTĐT và sau đó gửi Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Phòng Tài chính – Kế toán ít nhất 2 tuần trước khi hết thời hạn thanh toán của mỗi học kỳ. Sinh viên chỉ được chấp thuận thanh toán chậm học phí nếu đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ học phí của các học kỳ trước đó.

5. Sinh viên được xem là vi phạm nghĩa vụ học phí nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Sinh viên không đóng học phí/phí duy trì tình trạng sinh viên đúng thời hạn mà không có đơn đề nghị thanh toán chậm;

- Trường hợp 2: Sinh viên không hoàn thành kế hoạch thanh toán chậm học phí đã được phê duyệt.

Sinh viên vi phạm nghĩa vụ học phí sẽ bị đình chỉ học tập trong học kỳ nợ học phí/phí duy trì tình trạng (Trường hợp 1) hoặc cho học kỳ kế tiếp (Trường hợp 2). Ban Giám hiệu sẽ ra quyết định đình chỉ học tập đối với sinh viên liên quan trong vòng 4 tuần sau thời hạn đóng học phí/phí duy trì tình trạng sinh viên. Quyết định đình chỉ học tập có hiệu lực từ thời điểm ban hành đến cuối học kỳ liên quan. Sinh viên bị đình chỉ học tập không được xét cấp học bổng và giữ lại các kết quả thi trong học kỳ nợ học phí (đối với Trường hợp 2). Sinh viên có thể tiếp tục học tập vào học kỳ tiếp theo nếu hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ học phí trong học kỳ bị đình chỉ. Sau học kỳ bị đình chỉ, nếu vẫn tiếp tục không hoàn thành nghĩa vụ học phí, sinh viên sẽ bị buộc thôi học.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Điều khoản chuyển giao: Mức học phí được giữ nguyên không đổi trong toàn bộ thời gian đào tạo tiêu chuẩn quy định cho một khóa tuyển. Chỉ áp dụng mức học phí mới, khi sinh viên chuyển từ khóa tuyển trước sang khóa sau/mới.

2. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn các thủ tục cho sinh viên thuộc diện được miễn giảm học phí theo quy định của pháp luật và

thông báo danh sách các sinh viên được miễn giảm học phí cho Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm tính toán và thông báo cụ thể học phí chính khóa và các khoản phí phải nộp cho sinh viên trước mỗi học kỳ; tiến hành thu học phí và các phí có liên quan; theo dõi và gửi thông báo nhắc nhở đối với sinh viên thanh toán muộn và lập danh sách các sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo học kỳ gửi Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên để trình Ban Giám hiệu xem xét xử lý kỷ luật.

4. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Phòng Tài chính – Kế toán có trách nhiệm kiến nghị và đề xuất Ban Giám hiệu sửa đổi, bổ sung Quy định này nếu thấy cần thiết./.

**Phụ lục 1. Học phí một học kỳ áp dụng cho các chương trình đào tạo
trình độ đại học**

Khóa	Chương trình đào tạo	Mức học phí (VND)	
		Sinh viên Việt Nam	Sinh viên quốc tế
2024	Kế toán tài chính (BFA)	43.600.000	65.400.000
	Quản trị kinh doanh (BBA)	43.600.000	65.400.000
	Kiến trúc (ARC)	40.900.000	61.400.000
	Nghành Kỹ thuật y sinh (BME)	40.900.000	61.400.000
	Khoa học máy tính (CSE)	40.900.000	61.400.000
	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	40.900.000	61.400.000
	Kỹ thuật môi trường (EPE)	40.900.000	61.400.000
	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	40.900.000	61.400.000
	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	40.900.000	61.400.000
	Kỹ thuật giao thông thông minh (SME)	40.900.000	61.400.000
2023	Kiến trúc (ARC)	39.900.000	59.850.000
	Quản trị kinh doanh (BBA)	42.550.000	63.825.000
	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	39.900.000	59.850.000
	Kế toán tài chính (BFA)	42.550.000	63.825.000
	Khoa học máy tính (CSE)	39.900.000	59.850.000
	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	39.900.000	59.850.000
	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	39.900.000	59.850.000
2022	Kiến trúc (ARC)	39.200.000	58.800.000
	Quản trị kinh doanh (BBA)	41.800.000	62.700.000
	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	39.200.000	58.800.000
	Kế toán tài chính (BFA)	41.800.000	62.700.000
	Khoa học máy tính (CSE)	39.200.000	58.800.000
	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	39.200.000	58.800.000
	Kỹ thuật môi trường (EPE)	39.200.000	58.800.000
	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	39.200.000	58.800.000
2021	Kiến trúc (ARC)	37.900.000	56.850.000
	Quản trị kinh doanh (BBA)	40.500.000	60.750.000
	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	37.900.000	56.850.000
	Kế toán tài chính (BFA)	40.500.000	60.750.000
	Khoa học máy tính (CSE)	37.900.000	56.850.000
	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	37.900.000	56.850.000
	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	37.900.000	56.850.000
2020	Kiến trúc (ARC)	36.900.000	55.400.000
	Quản trị kinh doanh (BBA)	39.400.000	59.100.000
	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	36.900.000	55.400.000
	Kế toán tài chính (BFA)	39.400.000	59.100.000
	Khoa học máy tính (CSE)	36.900.000	55.400.000
	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	36.900.000	55.400.000
	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	36.900.000	55.400.000
	Kỹ thuật công nghiệp và quản lý công nghệ (IET)	39.400.000	59.100.000

**Phụ lục 2. Học phí một học kỳ áp dụng cho các chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ**

Khóa	Chương trình đào tạo	Mức học phí (VND)	
		Sinh viên Việt Nam	Sinh viên quốc tế
2024	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (BIS)	43.100.000	64.600.000
	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính (COM)	33.000.000	49.500.000
	Kinh tế học và tài chính quốc tế (GFE)	43.100.000	64.600.000
	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	33.000.000	49.500.000
	An ninh thông tin/ công nghệ máy tính (ITS)	33.000.000	49.500.000
	Quản trị kinh doanh (MBA)	60.400.000	90.600.000
	Cơ điện tử và công nghệ hệ thống cảm biến (MST)	33.000.000	49.500.000
	Phát triển đô thị bền vững (SUD)	33.000.000	49.500.000
	Công nghệ, tái sử dụng và quản lý nước (WTE)	33.000.000	49.500.000
	Khoa học vật liệu (MSI)	33.000.000	49.500.000
	Kỹ thuật điện (MEE)	33.000.000	49.500.000
	Quản trị y tế (HTM)	43.100.000	64.600.000
2023	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (BIS)	42.040.000	63.060.000
	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính (COM)	32.170.000	48.255.000
	Kinh tế học và tài chính quốc tế (GFE)	42.040.000	63.060.000
	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	32.170.000	48.255.000
	An ninh thông tin/ công nghệ máy tính (ITS)	32.170.000	48.255.000
	Quản trị kinh doanh (MBA)	58.940.000	88.410.000
	Khoa học vật liệu (MSI)	32.170.000	48.255.000
	Cơ điện tử và công nghệ hệ thống cảm biến (MST)	32.170.000	48.255.000
	Phát triển đô thị bền vững (SUD)	32.170.000	48.255.000
	Công nghệ, tái sử dụng và quản lý nước (WTE)	32.170.000	48.255.000
	Kỹ thuật điện (MEE)	32.170.000	48.255.000
2022	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (BIS)	41.300.000	61.950.000
	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính (COM)	31.600.000	47.400.000
	Kinh tế học và tài chính quốc tế (GFE)	41.300.000	61.950.000
	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	31.600.000	47.400.000
	An ninh thông tin/ công nghệ máy tính (ITS)	31.600.000	47.400.000
	Quản trị kinh doanh (MBA)	57.900.000	86.850.000
	Khoa học vật liệu (MSI)	31.600.000	47.400.000
	Cơ điện tử và công nghệ hệ thống cảm biến (MST)	31.600.000	47.400.000
	Phát triển đô thị bền vững (SUD)	31.600.000	47.400.000
	Công nghệ, tái sử dụng và quản lý nước (WTE)	31.600.000	47.400.000
2021	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (BIS)	40.000.000	60.000.000
	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính (COM)	30.600.000	45.900.000
	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	30.600.000	45.900.000
	Quản trị kinh doanh (MBA)	56.100.000	84.150.000
	Khoa học vật liệu (MSI)	30.600.000	45.900.000
	Cơ điện tử và công nghệ hệ thống cảm biến (MST)	30.600.000	45.900.000
	Phát triển đô thị bền vững (SUD)	30.600.000	45.900.000

Khóa	Chương trình đào tạo	Mức học phí (VND)	
		Sinh viên Việt Nam	Sinh viên quốc tế
2020	Công nghệ, tái sử dụng và quản lý nước (WTE)	30.600.000	45.900.000
	An ninh thông tin/ công nghệ máy tính (ITS)	30.600.000	45.900.000
	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (BIS)	39.000.000	58.500.000
	Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính (COM)	29.800.000	44.700.000
	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	29.800.000	44.700.000
	Quản trị kinh doanh (MBA)	54.600.000	81.900.000
	Khoa học vật liệu (MSI)	29.800.000	44.700.000
	Cơ điện tử và công nghệ hệ thống cảm biến (MST)	29.800.000	44.700.000
	Phát triển đô thị bền vững (SUD)	29.800.000	44.700.000
	Công nghệ, tái sử dụng và quản lý nước (WTE)	29.800.000	44.700.000
	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng (LSC)	29.800.000	44.700.000
	An ninh thông tin/ công nghệ máy tính (ITS)	29.800.000	44.700.000

Phụ lục 3. Phí quản lý hành chính

Chương trình đào tạo	Phí quản lý hành chính theo học kỳ (VND)
Kỹ thuật cơ khí (MEN)	1.500.000

Phụ lục 4. Chi phí các khóa học bắt buộc ngoài phạm vi đào tạo chính khóa

Khóa học	Chương trình đào tạo áp dụng	Mức phí (VND)	Ghi chú
Thực tập nghề	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	10.000.000	
Chuyến đi thực địa	Kiến trúc (ARC)	2.000.000/học kỳ	Áp dụng cho 6 học kỳ chuyên ngành
Khóa học mùa hè	Kỹ thuật và quản lý sản xuất toàn cầu (GPE)	60.000.000	Sinh viên có thể đóng theo học kỳ: 15.000.000 VND/học kỳ

Phụ lục 5. Phí đào tạo tại trường đối tác

Chương trình đào tạo	Phí đào tạo tại trường đối tác/sinh viên	Ghi chú
Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	560 EUR	Sinh viên đóng phí bằng VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm đóng phí.
Khoa học máy tính (CSE)		

Phụ lục 6. Lệ phí thi tuyển sinh (VND)

Trình độ đại học		Trình độ thạc sĩ	
Lệ phí thi TestAS	Lệ phí thi tiếng Anh VGU	Lệ phí thi phỏng vấn kỹ thuật	Lệ phí bài thi tiếng Anh
1.500.000	500.000	150.000	250.000

